

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

Số: 3617/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cử Chi, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp
năm học 2021 - 2022 trên địa bàn huyện Cử Chi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022;

Theo đề nghị của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 449/TTr-GDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *gml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Hội Khuyến học huyện;
- Hội Cựu Giáo chức huyện;
- TT GDNN-GDTX; Trường TCCN; TCN;
- Các trường MN, TH, THCS, THPT;
- Lưu: VT, PGDĐT.2. M.Hiep.18.

Ceep



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Thanh Hiền

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3617/QĐ-UBND**
ngày **17** tháng **5** năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

2. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1, lớp 2 và khuyến khích học sinh lớp 6 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại cũng được học 2 buổi/ngày.

Phấn đấu xây dựng ở mỗi cấp học một trường tiên tiến hội nhập theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khuyến khích các trường tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam. Chú trọng triển khai Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học. Đảm bảo phân bổ đầy đủ chỉ tiêu đối với các trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và thực hiện kiểm tra công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp.

4. Đảm bảo thực hiện đúng hướng dẫn an toàn phòng chống dịch bệnh khi tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh.

5. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Lớp lá:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2016 (5 tuổi): 5355 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 5355 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp chồi:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2017 (4 tuổi): 6197 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 6197 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp mầm:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2018 (3 tuổi): 4132 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 4132 trẻ, đạt tỷ lệ 100%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ: 2252 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 1271 trẻ, tỷ lệ: 56,4%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi: 1242 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 33 trẻ; tỷ lệ 2,7%

2. Tuyển sinh vào lớp 1

- Dân số độ tuổi sinh năm 2015 (6 tuổi): 6662 trẻ.

- Dự kiến tuyển sinh: 6662 học sinh, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có hộ khẩu trường trú: 5346, tạm trú: 1316 trẻ.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 207/207, tỷ lệ 100%.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 6120 học sinh.

- Dự kiến tuyển sinh: 6120 học sinh, tỷ lệ 100%.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 113/145, tỷ lệ 77,9%.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và các hệ tương đương

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 5836/5956 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương đạt tỷ lệ 95%.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện

quy định (kèm phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp chồi, mầm, lá và các nhóm dành cho trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi).

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và diện tích phòng sinh hoạt chung đảm bảo $1,5m^2$ - $1,8m^2$ cho một trẻ.

- Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực: Nhận trẻ đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

- Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, đủ trang thiết bị theo Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/ TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện sĩ số trẻ trên một lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi: Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ. Lớp mẫu giáo: 3 - 4 tuổi: 25 trẻ; 4 - 5 tuổi: 30 trẻ; 5 - 6 tuổi: 35 trẻ.

Lưu ý: Theo khoản 3, Điều 15 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường mầm non “Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

- Tỷ lệ trẻ học bán trú: 96%.

- Thời gian tuyển sinh:

- + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2021.

- + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 20/7/2021

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn xin xét tuyển

- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- + Giấy chứng nhận sức khỏe (đối với các cháu mới xin học lần đầu)

- Năm học 2021 - 2022, là năm thứ sáu Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện xây dựng trường tiên tiến hiện đại đối với trẻ các lớp mầm (3-4 tuổi), lớp chồi (4-5 tuổi) và lớp lá (5-6 tuổi) theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

2. Tuyển sinh vào lớp 1

a. Tuyển sinh vào lớp 1

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường tiểu học).

- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn quy định.

- Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 em/lớp).

- Đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 – 2025. Tổ chức làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Phân đầu tỷ lệ học sinh bán trú: phân đầu đạt từ 40% trở lên

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2021

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2021.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tăng cường tiếng Anh (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2021

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2021

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Tổ chức tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Hằng năm, Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, đưa ra khỏi danh sách lớp tăng cường tiếng Anh các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải đảm bảo sĩ số không vượt quá quy định.

c. Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học).

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2021

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2021

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Tổ chức dạy Chương trình tích hợp cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 bình thường theo phân tuyển.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

a. Tuyển sinh vào lớp 6

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi được xét tuyển vào học lớp 6 theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

- Không tổ chức thi tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

- Phần đầu tỷ lệ học sinh bán trú: phần đầu đạt từ 20% trở lên
- Thời gian tuyển sinh:
 - + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2021
 - + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2021
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)
 - + Học bạ (bản chính) cấp tiểu học
 - + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
 - + Bản photo hộ khẩu (khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu)

b. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyển) và có điểm toàn năm từng kỹ năng ở lớp 5 đạt từ 6.0 điểm trở lên hoặc chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ đạt trình độ A2 trở lên theo khung CEFR hoặc chứng chỉ Cambridge Flyer đạt từ 10/15 khiên trở lên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt từ 3/5 huy hiệu trở lên hoặc cấp độ Quickmarch của PTE Young Learners đạt Pass từ 3/5 sao trở lên hoặc là học sinh học Chương trình tiếng Anh tích hợp cấp tiểu học có điểm trung bình môn tiếng Anh tích hợp lớp 5 từ 6.0 trở lên (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở).

- Thời gian tuyển sinh:
 - + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2021
 - + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2021
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)
 - + Học bạ (bản chính) cấp tiểu học
 - + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
 - + Bản photo hộ khẩu (khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu)
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ đạt trình độ A2 trở lên hoặc chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Quickmarch pass hoặc Học bạ tiểu học có điểm tiếng Anh (Bản sao có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu).

c. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp tiếng Anh tích hợp và kết quả khảo

sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở”).

- Đối tượng tuyển:

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình tiếng Anh tích hợp.

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn huyện, có đủ năng lực tiếng Anh theo quy định trình độ thỏa một trong các yêu cầu về tiếng Anh sau đây:

* Theo hệ thống Pearson English: có chứng chỉ PTE cấp độ Quickmarch (Pass – số sao tối thiểu 3/5 sao).

* Theo hệ thống Cambridge English: có chứng chỉ Flyer (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).

* Theo hệ thống ETS: có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

* Học sinh phải được đánh giá đạt bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/7/2021

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 05/8/2021

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)

+ Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Chứng chỉ tiếng Anh (Bản sao có công chứng hoặc đem theo bản chính để đối chiếu).

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường theo phân tuyến.

4. Tuyển sinh lớp 10

Thực hiện theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022.

5. Tuyển sinh vào trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu các trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên).

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường, trung tâm theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường, trung tâm quy định.

5. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài tuyển tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi tuyển sinh theo địa bàn phân tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn chỉ tiêu, Ban chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài địa bàn theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

a. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài tuyển

- Chỉ giải quyết ngoài tuyển đối với những trường còn chỉ tiêu tuyển sinh; số lượng giải quyết ngoài tuyển không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

***Lưu ý:** Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài tuyển gần nhà hoặc gần cơ quan của cha mẹ để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ trái tuyển vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo tuyển bình thường.*

b. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài tuyển của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)
- Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị (nếu có)
- Giấy chứng minh công an nhân dân hoặc chứng minh quân nhân của cha, mẹ (nếu có).

c. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Ngày 31/7/2021, tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ và lập danh sách tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh.
- Bước 2: Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài tuyển.
- Bước 3: Hội đồng tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài tuyển.
- Bước 4: Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài tuyển.
- Bước 5: Các trường nhận danh sách học sinh ngoài tuyển đã được phê duyệt từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và niêm yết công khai tại bảng thông tin của đơn vị.
- Bước 6: Hiệu trưởng công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho cha mẹ học sinh và học sinh biết và sắp xếp chỗ học cho học sinh.

d. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

- Đối với trường hợp xin được học ngoài tuyển ở trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn Thị trấn Củ Chi: Ngày 31/7/2021, cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại địa điểm sau: Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi. Địa chỉ: đường Nguyễn Phúc Trú, Khu phố 1, Thị Trấn Củ Chi (Cổng số 1).
- Đối với các trường hợp khác: Cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại trường xin học ngoài tuyển (từ ngày 31/7/2021 đến hết ngày 01/8/2021). Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách và gửi về Hội đồng tuyển sinh (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) để tổ chức xét duyệt và trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách. Thời gian gửi hồ sơ, danh sách chậm nhất ngày 05/8/2021.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 đến các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và trường trung cấp để có kế hoạch thực hiện.
- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; tham mưu thành lập Hội đồng

tuyển sinh ngoài tuyển và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

2. Đài truyền thanh huyện

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022; vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” vào đầu năm học mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân đưa trẻ đến trường.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 trên địa bàn.

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,... cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

5. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh đầu cấp.

- Phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường mới trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

- Công khai mẫu đơn và tổ chức cho cha mẹ học sinh đăng ký nhập học bằng hình thức trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử của đơn vị theo Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tuyệt đối không giải quyết cho học sinh chuyển trường.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2021, các trường phối hợp với Ban Nhân dân ấp, Ban Điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 16 tháng 7 năm 2021.

+ Lần 2: Ngày 23 tháng 7 năm 2021.

+ Lần 3: Ngày 30 tháng 7 năm 2021.

+ Lần 4: Ngày 06 tháng 8 năm 2021.

+ Lần 5: Ngày 13 tháng 8 năm 2021./.


ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHÒI VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ NGOÀI CÔNG LẬP

NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3617** /QĐ-UBND ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Cử Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
TỔNG CỘNG:			5355			866	1269	729	2	33	62	1271	199	4132	252	6197	211	5355	100%
I. Công lập			4546			492	710	398	2	33	25	563	73	1767	121	3355	175	4546	
1	Tân Phú Trung	396	MN Tân Phú Trung 1	Áp Đình, Áp Giữa, Bến Đò 1, Bến Đò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	18	34	18					4	100	6	180	8	191		
2			MN Tân Phú Trung 2	Áp Chợ, Láng Cát, Giồng Sao, Phú Lợi, Trạm Bơm, ấp Cây Đa, xã T.P.Trung.	11	16	11					2	50	3	75	6	205		
3	Tân Thông Hội	427	MN Tân Thông Hội 1	Áp Bàu Sim, hẻm 218 tổ 4, tổ 5a, 6, 8, 9 của ấp Hậu, tổ 1,2,3,4,9 ấp Trung - xã Tân Thông Hội và tổ 1,2 của ấp 2 - xã P.V.An.	12	21	12			2	38	3	66	3	75	4	87		
4			MN Tân Thông Hội 2	Áp Thượng, tổ 6 đến tổ 16 ấp Tân Định, tổ 1, 2, 2a, 3, 5, 7, 1/2 đường số 28 tổ 4 ấp Hậu, QL 22, tổ 1, 2a, 2b, 3a, 3b ấp Tân Tiến và tổ 3, 4a, 4b, 5, 8, 9a, 9b, 10, 11 của ấp 3 (xã P.V.An).	17	33	17	1	18	2	50	4	100	5	150	5	133		
5			MN Tân Thông Hội 3	Áp Chánh, ấp Tiền và tổ 5,6,7,8,10 của ấp Trung - xã Tân Thông Hội.	11	17	9					1	25	3	80	5	81		
6			MN Tân Thông Hội 4	Áp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành và tổ 1, 2, 3, 4, 5 của ấp Tân Định - xã T.T.Hội	11	15	10					2	35	3	60	5	126		



STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
7	Thị Trấn Cù Chi	354	MN Thị Trấn Cù Chi 1	Khu phố 3, KP 8, tổ 3, 7 KP 1, tổ 4 KP 4, tổ 1,2 KP 5, tổ 3 KP 6 - TT Cù Chi, tổ 1, 2, 3 ấp Tây xã Tân An Hội và tổ 6, 7, 10 ấp Tân Thành - xã T.T.Hội.	10	15	10					1	30	4	75	5	75	
8			MN Thị Trấn Cù Chi 2	Khu phố 2, khu phố 4, khu phố 6 và tổ 1,2,3 của khu phố 7 - Thị trấn Cù Chi	21	43	20	1	15	7	165	4	100	4	120	4	120	
9	Thị Trấn Cù Chi		MN Thị Trấn Cù Chi 3	Khu phố 1, khu phố 5, khu phố 7 và tổ 7, 8 của khu phố 8 - Thị trấn Cù Chi	16	26	15			2	50	4	100	4	120	4	125	
10			MN Tây Bắc	Tổ 4 KP 1, tổ 6 KP 8 - TT Cù Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	21	11			2	40	2	50	3	90	3	34	
11	Phước Hiệp	145	MN Phước Hiệp	Áp Mũi Côn Đại, Mũi Côn Tiểu, Trại Đền, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Viêt, xã Phước Hiệp	16	19	10			1	25	2	50	3	90	4	145	
12	Thái Mỹ	216	MN Thái Mỹ	Áp Bình Hạ Đông, Bình Hạ Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thượng 1, Bình Thượng 2, ấp Tháp, xã Thái Mỹ.	13	23	12					2	50	4	120	6	216	
13	Trung Lập Hạ	96	MN Trung Lập Hạ	Áp Trung Hòa, Lào Táo Trung, Gia Bẹ, Xóm Mới, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	22	11					3	75	4	93	4	96	
14	Nhuận Đức	152	MN Nhuận Đức	Áp Bàu Chứa, Bàu Cạp, Bàu Tròn, Bàu Trăn, Xóm Bung, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	18	16	11			1	15	1	25	3	75	6	152	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
15	An Nhơn Tây	240	MN An Nhơn Tây	Ấp Ba Sòng, Bàu Đưng, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã A.N Tây.	22	25	15					3	75	4	120	8	240	
16	Phú Mỹ Hưng	115	MN Hoàng Minh Đạo	Ấp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	9	17	9					2	50	3	90	4	115	
17	Phạm Văn Cội	193	MN Phạm Văn Cội 1	Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5 - xã Phạm Văn Cội, tổ 5,7 của ấp Đức Hiệp, tổ 6 đến tổ 11 ấp Bến Đình, và tổ 2,3 của ấp Bàu Cạp - xã Nhuận Đức.	11	22	11			1	25	3	75	3	90	4	103	
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Ấp 1, ấp 2 - xã P.V. Cội, tổ 107,108,109, 110 của ấp Cây Trắc và tổ 6, 6a, 7, 8, 8a, 9, 10, 10a của ấp Phú Hiệp, tổ 69 ấp Cây Trâm, tổ 94a, 94b ấp Phú An, xã P.H.Đông; tổ 2, 3, 4 ấp Đức Hiệp, xã N.Đức.	12	14	10					2	50	4	100	4	90	
19	Phú Hòa Đông	267	MN Phú Hòa Đông	Phú An, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Lợi, tổ 1,1a,2, 3, 3a, 4, 4a, 5 Phú Hiệp, Cây Trâm, Bến Cỏ, tổ 105, 106 Cây Trắc, ấp Chợ, Phú Trung, Phú Hòa, Phú Bình - xã P.H.Đông.	19	39	19			1	25	4	100	5	150	9	267	
20	Phước Vĩnh An	219	MN Phước Vĩnh An	Ấp 1, tổ 3,4 ấp 2, tổ 1, 2, 6a, 6, 7, 12, 16, 17 ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6 - xã P.V.An và tổ 1,2,4 của ấp Cây Đa - xã T.P.Trung.	15	20	12					2	50	3	90	7	219	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
21	Tân Thạnh Đông	307	MN Tân Thạnh Đông	Áp 1, áp 2, 2A, áp 3A, 3B, áp 4, 4A, áp 5 (tổ 10, 11, 12, 19, 20), áp 7 (tổ 1, 1A, 2, 3, 3A, 4, 4A, 5), áp 8, áp 9, 9A, 10 11, 11A xã T.T.Đông.	16	33	16					1	25	5	150	10	218	
22			MN Nguyễn Thị Đậu	Áp 6, 6A, 7A, áp 7 (các tổ còn lại), áp 5 (các tổ còn lại), xã Tân Thạnh Đông.	16	14	10					1	25	3	75	6	89	
23	Tân Thạnh Tây	81	MN Tân Thạnh Tây	Áp 1, 1A, áp 2, 2A, áp 3, 3A - xã Tân Thạnh Tây, tổ 7,8,9,10,11 của áp 6 - xã Tân Thạnh Đông	30	24	13			1	25	2	50	4	112	6	81	
24	Trung An	219	MN Trung An 1	Áp Chợ, An Hòa, An Bình, Bồn Phú, xã Tr. An	15	9	9			1	15	2	50	2	60	4	130	
25			MN Trung An 2	Thạnh An, Hội Thạnh - xã Trung An và tổ 6 7 8 9 10 của áp 12 - xã T.T Đông	12	25	12			1	30	2	50	4	115	5	89	
26	Hòa Phú	160	MN Hòa Phú	Áp 1, 1A, Áp 2, 2A, Áp 3, Áp 4, Áp 5, xã Hòa Phú.	12	23	12			1	20	2	46	4	120	5	160	
27	Bình Mỹ	125	MN Bình Mỹ	Áp 1, Áp 2, Áp 3, Áp 4A, 4B-Bình Hòa, 4B - Mỹ Sương, Áp 5, Áp 6A, 6B, Áp 7, Áp 8, xã Bình Mỹ.	23	21	16			1	15	2	40	4	95	9	125	
28	Phước Thạnh	264	MN Phước Thạnh	Áp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Điều, Mây Đẳng, Mít Nài, Bàu Điều áp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trầu, xã Phước Thạnh.	25	28	14					2	50	5	150	7	264	
29	Trung Lập Thượng	151	MN Trung Lập Thượng	Áp Sa Nhỏ, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Áp Ràng, Lão Táo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Vân Hàn, xã T.L.Thượng.	16	20	10			1	25	1	25	3	90	5	151	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
30	Tân An Hội	262	MN Tân An Hội 1	Áp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Áp Tây, Áp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã T.A.Hội.	13	17	9					2	35	3	95	4	130	
31			MN Tân An Hội 2	Áp Tam Tân, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	12	16	12					2	40	6	130	4	132	
32	An Phú	157	MN An Phú	Áp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	12	22	12					3	75	4	120	5	157	
2. Ngoài CL		809			137	218	119			19	389	28	640	34	915	36	809	
1	Tân Thông Hội	63	MN Thủy Tiên		6	12	6					1	25	2	60	3	63	
2		37	MN Thành Danh		6	12	6			1	25	1	25	2	60	2	37	
3		8	MN Ánh Ánh Dương		4	4	4					1	13	1	15	1	8	
4	Thị Trấn Củ Chi	45	MN ABC		7	12	7			1	20	2	50	2	55	2	45	
5		88	MN Hoa Lan		12	21	9			1	25	2	50	3	90	3	88	
6		42	MN Sơn Ca		8	14	8			2	40	2	50	2	50	2	42	
7	Phước Hiệp	22	MN Sao Việt		7	10	5			1	15	1	15	1	25	1	22	
8	Tân Thạnh Tây	30	MN Trúc Xanh		9	8	4			1	25	1	25	1	30	1	30	
9		15	MN Thanh Phương		4	6	4			1	12	1	25	1	25	1	15	
10	Hòa Phú	49	MN Tuổi Ngọc		8	16	8			2	50	1	25	2	60	3	49	
11		30	MN Anh Dũng		4	8	4			1	22	1	24	1	30	1	30	
12	Phước Thạnh	60	MN Hoa Hồng		7	12	7			2	20	1	25	2	50	2	60	
13	Tân An Hội	48	MN Sư Đoàn 9		7	11	7			1	25	2	50	2	60	2	48	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
14	Tân Thạnh Đông	30	MN Bé Thông Minh		6	12	6			1	25	2	50	1	30	2	30	
15		17	MN Ánh Dương Samho		4	5	4			1	10	1	13	1	15	1	17	
16	Tân Phú Trung	59	MN Hòaàng Anh		11	11	5					1	25	2	60	2	59	
17		76	MN Trái Tim Thơ		12	14	10					3	50	4	80	3	76	
18		30	MN Anh Đào		9	18	9			3	75	3	75	2	60	1	30	
19	Trung Lập Thượng	60	MN Tường Vy		6	12	6					1	25	2	60	3	60	
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực					237	341	212			18	319	98	1725	97	1927			
1	Xã Tân Phú Trung		MG Phù Đồng		3	4	2					1	25	1	30			
2			MG Văn Lang		2	3	2					1	13	1	20			
3			MG Thanh Bình		2	3	2					1	13	1	20			
4			MG Búp Măng		2	4	2					1	25	1	30			
5			MG Trúc Phương		2	2	2					1	13	1	15			
6			MG Như Ý		2	3	2					1	13	1	20			
7			NT Yến Nhi		2	2	2			1	25							
8			MG Hoa Mặt Trời		2	2	2					1	12	1	15			
9			MG Vườn Hồng		2	3	2					1	12	1	9			
10			MG Hoa Thiên Lý		3	3	2					1	13	1	28			
11			MG Ngọc Mi		3	6						1	25	2	45			
12			MG Thùy Dương		2	3	2					1	15	1	13			
13	Xã Tân Thông Hội		MG Tuổi Thần Tiên		4	4	3					1	20	2	30			
14			MG Mai Vàng		2	3	2					1	16	1	14			
15			MG Cát Tường		2	2	2					1	8	1	12			
16			NT Hải Âu		1	3	1			1	30							
17			MG Hoa Mai		3	2	2					1	13	1	15			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
18			MG Bông Sen Hồng		2	3	2					1	15	1	15			
19			MG Đức Huy		3	4	2					1	15	1	25			
20			MG CVK		10	9	4					2	34	2	36			
21			MG Thân Thương		2	2	2					1	13	1	15			
22	xã Tân An Hội		MG Nụ Cười Hồng		2	3	2					1	13	1	20			
23	xã Trung An		MG Thiên Ân		2	4	2					1	25	1	30			
24			MG Quốc Dũng		2	4	2					1	25	1	25			
25			MG Quốc Dũng 2		2	4	2					1	25	1	25			
26			MG Hồng Nhung		2	3	2					1	13	1	30			
27			MG Hoa Trang		2	4	2					1	25	1	25			
28			MG Ánh Khang		2	3	2					1	13	2	14			
29			MG Bé Ngoan		2	3	2					1	25	1	15			
30			MG Tân Quy		2	4	2					1	20	1	25			
31			MG Ban Mai Xanh		2	3	2					1	25	1	15			
32			MG 59		2	2	2					1	13	1	15			
33			MG Ngôi Sao Xanh		2	4	2					1	25	1	25			
34			MG An Nhiên		2	3	2					1	13	1	17			
35	xã Hòa Phú		MG Ánh Mai		2	3	2					1	13	1	25			
36			MG Hoa Mạ Non		2	4	2					1	18	1	22			
37			MG Bông Hoa Nhỏ		2	4	2					1	20	1	25			
38			MG Bé Xinh		2	4	2					1	25	1	30			
39			MG Hoa Mai Trắng		2	2	2					1	13	1	15			
40	xã Bình Mỹ		MG Ánh Dương		3	4	3					2	26	1	24			
41			MG Phát Triển		3	4	2					1	25	1	30			
42			MG Ánh Bình Minh		2	4	2					1	25	1	30			
43			MG Măng Non		3	5	3					2	30	1	30			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
44	xã Bình Mỹ		MG Hoa Hồng Nhung		3	4	2					1	25	1	25			
45			MG Thảo Ngọc		2	4	2					1	25	1	30			
46			MG Hoa Quỳnh		3	4	3					1	25	2	30			
47			MG Bò Câu Trắng		2	2	1					1	18					
48			MG Quỳnh Anh		1	2	1							1	30			
49			MG Hoa Anh Đào		2	4	2					1	25	1	25			
50			MG Việt Anh		4	9	4					2	34	2	36			
51			MG Sóc Nâu		2	4	2					1	25	1	25			
52			MG Năng Sỏi Gòn		3	3	3					1	13	2	30			
53			MG Búp Măng Non		4	4	2					1	25	1	25			
54			MG Sao Ban Mai		2	4	2					1	15	1	14			
55			MG Mặt Trời		4	4	4					3	36	1	14			
56	xã Phú Hòa Đông		MG Thương Hiền		3	6	3					1	16	2	34			
57			MG Hoa Bách Hợp		2	2	2					1	13	1	15			
58	xã Tân Thạnh Đông		MG Vân Anh		2	3	2					1	13	1	30			
59			MG Dâu Tây		3	4	2					1	25	1	25			
60			MG Vy Vy		2	3	2					1	13	1	30			
61			MG Ánh Sao		2	4	2					1	25	1	30			
62			MG Mặt Trời Hồng		2	3	2					1	13	1	30			
63			MG Vân Anh 2		2	4	2					1	25	1	25			
64			NT Oanh Vàng		2	4	2			2	44							
65			MG Mèo Ngoan		1	2	2					1	7	1	8			
66			MG Sắc Cầu Vồng		3	3	3					1	11	2	22			
67			MG Thông Minh		4	6	3					2	45	1	25			
68			MG Sao Mai Hồng		1	2	2					1	15	1	10			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
69	xã Tân		MG Minh An		2	4	2					1	25	1	26			
70	Thạnh Tây		MG Huệ Anh		3	4	2					1	25	1	25			
71	Thị trấn Cù Chi		MG Hoàng Dung		2	3	2					1	15	1	15			
72			MG Trê Thơ		2	4	2					1	25	1	25			
73			MG Ánh Tuyết		4	8	4					2	35	2	35			
74			NT Thanh Hằng		2	2	2			1	25							
75			NT Trâm Anh		2	2	2			2	20							
76			MG Bảo Thy		2	2	2			1	25							
77			MG Hoàng Yến		2	2	2					1	15	1	15			
78			MG Bắc Hà		2	4	2					1	25	1	30			
79			MG Năng Hồng		3	3	2					1	20	1	15			
80	xã Phước Vĩnh An		MG Sen Việt		2	3	2					1	13	1	20			
81			MG Thanh Minh		2	2	2					1	10	1	10			
82			NT Thản Đồng Việt		2	2	2			2	25							
83			MG Hoa Tigon		4	5	3					2	45	1	15			
84			MG Thiện Ân		2	3	2					1	13	1	17			
85			MG Tiến Đạt		3	5	3					2	30	1	20			
86	xã Phước Hiệp		MG Hạnh Phúc		2	2	2					1	13	1	15			
87			NT Bé Thơ		2	2	2			1	25							
88			NT Tương Lai		2	2	2			2	20							
89	xã Phước Thạnh		MG Hoa Phượng		2	4	2					1	25	1	25			
90			MG Con Cưng		2	2	2					1	13	1	15			
91	xã Phạm Văn Cội		MG Thanh Lan		2	2	2					1	11	1	14			
92	xã Nhuận Đức		MG Bảo Ngọc		2	4	2					1	15	1	20			
93			NT Đôremi		3	2	2			2	20							
94	xã An Nhơn Tây		NT Đăng Khoa		1	2	1			1	30							

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2016)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2021-2022	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2019		Lớp Mầm sinh năm 2018		Lớp Chồi sinh năm 2017		Lớp Lá sinh năm 2016		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
95	xã Trung Lập Hạ		MG Con Ong Nhỏ		2	4	2					1	20	1	25			
96			MG Ong Vàng		2	4	2					1	24	1	25			
97			MG Hoa Quỳnh Anh		2	2	1					1	15	1	10			
98			MG Gia Phúc		2	2	2					1	13	1	15			
99			MG Bé Ngôi Sao		3	4	3					2	25	1	8			
100	xã An Phú		NTMặt Trời Nhỏ		3	3	2			2	30							

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG XÃ, THỊ TRẤN, TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số: **3617/QĐ-UBND** ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Cù Chi)

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
1	Tân Phú	Công lập	Ấp Cây Da (tổ 3 đến tổ 10), xã T.P.Trung	37	15	52										
			Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung	31	10	41										
			Ấp Giồng Sao, xã Tân Phú Trung	53	9	62										
			Ấp Láng Cát, xã Tân Phú Trung	29	9	38										
			Ấp Xóm Đồng (tổ 12, 13), xã T.P.Trung	16	7	23										
			Cộng:	166	50	216	6	35		6	2		4	216	120	100%
2	Tân Phú Trung	Công lập	Ấp Cây Da (tổ 1, tổ 2), xã TPT	8	3	11										
			Ấp Bến Dò 1, xã Tân Phú Trung	50	15	65										
			Ấp Bến Dò 2, xã Tân Phú Trung	35	12	47										
			Ấp Giữa (từ tổ 1 đến tổ 5A), xã TPT	12	4	16										
			Ấp Xóm Đồng (tổ 14, tổ 15), xã TPT	5	2	7										
			Ấp Đình (từ tổ 9 đến tổ 30), xã TPT	53	14	67										
			Tổ 4, 5, 6 ấp Bàu Sim, xã Tân T. Hội	12	4	16										
			Cộng:	175	54	229	12	35		12	12		8	229	220	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
3	Nguyễn Thị Lăng	Công lập	Ấp Xóm Đồng (từ tổ 1 đến tổ 11), xã TPT	43	10	53										
			Ấp Giữa (từ tổ 6 đến tổ 16), xã TPT	26	13	39										
			Ấp Đình (từ tổ 1 đến tổ 8), xã TPT	32	12	44										
			Ấp Trạm Bơm, xã TPT	22	10	32										
			Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung	53	9	62										
			Cộng:	176	54	230	7	35		7			5	230	70	100%
4	Tân Thông	Công lập	Ấp Thượng (tổ 9 đến tổ 15), xã TTH	38	13	51										
			Ấp Tiền, xã Tân Thông Hội	58	17	75										
			Ấp Trung, xã Tân Thông Hội	53	14	67										
			Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	35	12	47										
			Cộng:	184	56	240	6	40		6	6		6	240	90	100%
5	Tân Thông Hội	Công lập	Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	34	5	39										
			Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	48	5	53										
			Ấp Thượng (tổ 1 đến tổ 8), xã TTH	10	4	14										
			Tổ 3 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	3	2	5										
			Cộng:	95	16	111	3	35		3			3	111	30	100%
6	Tân Tiến	Công lập	Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	36	3	39										
			Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội	41	7	48										
			Ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	44	2	46										
			Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội	44	6	50										
			Tổ 4A, 4B, 5, 9A Ấp 3, xã PVA	9	2	11										
			Cộng:	174	20	194	5	35		5			3	194	100	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp					Số học sinh		
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
7	Lê Thị Pha	Công lập	Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội	29	5	34										
			Ấp Tây, xã Tân An Hội	20	2	22										
			Xóm Huế, xã Tân An Hội	28	3	31										
			Ấp Hậu, xã Tân An Hội	11	2	13										
			Tổ 8 khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	8		8										
			Cộng:	96	12	108	3	35		3			108		100%	
8	Nguyễn Văn Lịch	Công lập	Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội	60	14	74										
			Ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội	44	10	54										
			Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội	20	9	29										
			Cộng:	124	33	157	4	35		4			4	157	40	100%
9	Liên Minh Công Nông	Công lập	Ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội	53	11	64										
			Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	48	20	68										
			Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	50	12	62										
			Ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp	9	2	11										
			Cộng:	160	45	205	5	35		5			5	205	205	100%
10	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	Khu phố 1, TT Củ Chi (HK ở TTCC)	39		39										
			Khu phố 2 (HK ở Tổ 1, 2, 10, 11, TTCC)	14		14										
			Khu phố 7 (HK ở TTCC)	40		40										
			Khu phố 8 (HK ở TTCC)	30		30										
			Cộng:	123		123	6	35		6	5	1	6	123	6	100%
11	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Khu phố 2 (từ tổ 3 đến tổ 9), TTCC	45	21	66										
			Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	26	11	37										
			Học sinh tạm trú khu phố 1, 2, 8 (TTCC)		32	32										
			Cộng:	71	64	135	4	35		4			3	135	90	100%

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
			Áp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	32	6	38										
			Áp Cây Trôm, xã Phước Hiệp	38	10	48										
			Áp Trung Việt, xã Phước Hiệp	18		18										
				Cộng:	183	36	219	6	35		6	6		6	219	210
16	Phước Thạnh	Công lập	Áp Chợ, xã Phước Thạnh	28	12	40										
			Áp Phước An, xã Phước Thạnh	29	3	32										
			Áp Phước Lộc, xã Phước Thạnh	28	2	30										
			Áp Mây Dăng, xã Phước Thạnh	19	2	21										
			Áp Vườn Trầu, xã Phước Thạnh	9	1	10										
			Tổ 7, 8, 8A ấp Mỹ Khánh A; Tổ 1, 7 ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ	14		14										
				Cộng:	127	20	147	6	35		6			147		100%
17	An Phước	Công lập	Áp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	26	1	27										
			Áp Bàu Điều, xã Phước Thạnh	37	2	39										
			Áp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh	19	2	21										
			Áp Mít Nài, xã Phước Thạnh	11	1	12										
			Áp Bàu Trầu, xã Phước Thạnh	9	1	10										
				Cộng:	102	7	109	3	35		3			109		100%
18	Thái Mỹ	Công lập	Áp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ	43		43										
			Áp Bình Thượng 2, xã Thái Mỹ	23		23										
			Áp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ	19		19										
			Áp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ	39		39										



TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
			Áp Tháp, xã Thái Mỹ	23		23										
			Mỹ Khánh A (từ tổ 1 đến tổ 6 và từ tổ 9 đến tổ 14), xã Thái Mỹ	54		54										
			Mỹ Khánh B (tổ 2, 4, 5, 6, 8, 8A), xã T.M	12		12										
			Cộng:	213		213	6	35		6			6	213	40	100%
19	Lê Văn Thê	Công lập	Áp Gia Bẹ, xã Trung Lập Hạ	7		7										
			Áp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ	42	8	50										
			Áp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ	33	13	46										
			Áp Cây Sộp (tổ 6 đến 10 và tổ 13 đến tổ 20).	26		26										
			Áp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ	22		22										
			Áp Lào Táo Thượng, xã TLT	25		25										
			Cộng:	155	21	176	6	35		6			6	176	120	100%
20	Trung Lập Hạ	Công lập	Áp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng	25	1	26										
			Áp Trung Hưng, xã Trung Lập Thượng	12		12										
			Áp Trung Hiệp Thạnh (tổ 1, 2, 3), xã TLT	7		7										
			Áp Đồn, xã Trung Lập Hạ	37	1	38										
			Áp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ	17	1	18										
			Áp Trung Bình, xã Trung Lập Hạ	33	2	35										
			Tổ 1, 2 ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây													
			Cộng:	131	5	136	5	35		5			5	129	50	100%
21	Trung Lập Thượng	Công lập	Áp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng	21		21										
			Áp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	32		32										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
			Ấp Ràng, xã Trung Lập Thượng	25		25										
			Ấp Trung Hiệp Thạnh, xã TLT	12		12										
			Cộng:	90		90	3	35		3				97		100%
22	Nhuận Đức	Công lập	Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức	26		26										
			Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức	16		16										
			Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức	25		25										
			Ấp Bàu Tròn, xã Nhuận Đức	12		12										
			Cộng:	79		79	3	35		3	3		3	79	40	100%
23	Nhuận Đức 2		Ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	25		25										
			Ấp Canh Lý (tổ 1, 2, 5), xã Nhuận Đức	15		15										
			Ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức	20		20										
			Ấp Xóm Bưng, xã Nhuận Đức	28		28										
			Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức	22		22										
			Cộng:	110		110	3	35		3				110		100%
24	Phạm Văn Cội	Công lập	Ấp 1, xã Phạm Văn Cội	17	3	20										
			Ấp 2, xã Phạm Văn Cội	17	4	21										
			Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	48	5	53										
			Ấp 4, xã Phạm Văn Cội	16	2	18										
			Ấp 5, xã Phạm Văn Cội	13	3	16										
			Cộng:	111	17	128	5	35		5	3		3	128	99	100%
			Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	27		27										
			Ấp Gò Nổi A, xã An Nhơn Tây	17	1	18										
			Ấp Lô 6, xã An Nhơn Tây	15	2	17										

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
32	Tân Thạnh Tây	Công lập	Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây	27	9	36										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây	25	13	38										
			Ấp 3, xã Tân Thạnh Tây	27	7	34										
			Ấp 3A, xã Tân Thạnh Tây	13	2	15										
			Cộng:	144	86	230										
33	Trung An	Công lập	Ấp Hội Thạnh, xã Trung An	44	20	64										
			Ấp Chợ, xã Trung An	36	13	49										
			Ấp An Bình, xã Trung An	36	8	44										
			Ấp An Hòa, xã Trung An	41	8	49										
			Ấp Bốn Phú, xã Trung An	27	3	30										
			Tổ 5, 6, 8, 9 Ấp 5, xã Hòa Phú	14		14										
			Cộng:	198	52	250										
34	Hòa Phú	Công lập	Ấp 1, xã Hòa Phú	20	15	35										
			Ấp 1A, xã Hòa Phú	18	10	28										
			Ấp 2, xã Hòa Phú	25	15	40										
			Ấp 2A, xã Hòa Phú	11	10	21										
			Ấp 3, xã Hòa Phú	47	15	62										
			Ấp 4, xã Hòa Phú	34	20	54										
			Ấp 5, xã Hòa Phú	40	25	65										
			Cộng:	195	110	305										
			Ấp 6A, xã Bình Mỹ	9	25	34										
			Ấp 6B, xã Bình Mỹ	15	24	39										

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	5346	1316	6662	206	35		206	47	1	154	6662	3200	
			Ấp 7 (tổ 1 đến tổ 5), xã TTĐ	18	3	21										
			Ấp 8, xã Tân Thạnh Đông	42	4	46										
			Ấp 9A, xã Tân Thạnh Đông	17	3	20										
			Cộng:	225	32	257	6	35		6			6	257	225	100%
39	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Ấp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 18), xã TTĐ	36	18	54										
			Ấp 6 (từ đường 123 đến đường 130), xã TTĐ	29	10	39										
			Ấp 6A, xã Tân Thạnh Đông	25	8	33										
			Ấp 7 (tổ 6 đến tổ 14), xã Tân Thạnh Đông	12	3	15										
			Ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông	25	14	39										
			Ấp 12 (tổ 1, tổ 11), xã T.T. Đông	6	9	15										
			Cộng:	133	62	195	6	35		6			6	195	30	100%
40	TH-THCS Tân Trung	Công lập	Ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây	15		15										
			Ấp Thạnh An, xã Trùng An	35	21	56										
			Ấp 6, xã TTĐ	20		20										
			Ấp 12, xã TTĐ	20		20										
			Cộng:	90	21	111	5	35		5			1	111	35	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 3617 ~~702~~ QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		47	1666	35	
1	Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	Tân Phú Trung	Công lập	12	420	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	Tân Thông	Công lập	6	240	40	Tăng cường Tiếng Anh
4	Thị Trấn Cử Chi	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
5	Trần Văn Châm	Công lập	1	41	41	Tăng cường Tiếng Anh
6	Phước Hiệp	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
7	Nhuận Đức	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	Phạm Văn Cội	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
9	An Nhơn Tây	Công lập	5	160	32	Tăng cường Tiếng Anh
10	An Phú I	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 3B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: “DẠY VÀ HỌC
CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”
TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số: **3617/QĐ-UBND** ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		1	35	35	
1	Thị Trấn Cử Chi	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 4 : BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3617/QĐ-UBND** ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	6120	145	45	32	113	14	1	7	6120	
1	Tân Phú Trung	Trường TH Tân Phú	179	14	45	14		2			641	
		Trường TH Nguyễn Thị Lăng	177									
		Trường TH Tân Phú Trung	282									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.P. Trung)	2									
		Trường TH Tân Thành (HK xã TPT)	1									
		CỘNG	641									
2	Tân Thông Hội	Trường TH Tân Thông	260	9	45		9	4		2	375	
		Trường TH Tân Thông Hội	115									
		CỘNG	375									
3	Tân Tiến	Trường TH Tân Tiến	246	6	45		6				256	
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã T.T. Hội)	4									
		Trường TH Tân Thành (HK, tạm trú xã T.T. Hội)	6									
		CỘNG	256									
4	Thị trấn	Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (tạm trú TTCC)	21	6	45		6				264	
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (tạm trú TTCC)	64									
		Trường TH Tân Thành (Ấp Cây Sộp, xã TAH)	13									
		Trường TH Tân Thành (tạm trú TTCC)	63									
		Trường TH Lê Thị Pha	103									
		CỘNG	264									



TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp. xã . thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	6120	145	45	32	113	14	1	7	6120	
5	Thị Trấn 2	Trường TH Thị Trấn Cù Chi (Hộ khẩu TTCC)	107	6	40		6	4	1	2	236	
		Trường TH Tân Thành (HK TTCC)	75									
		Trường TH Thị Trấn Cù Chi 2 (HK TTCC)	54									
		CỘNG	236									
6	Phước Vĩnh An	Trường TH Phước Vĩnh An	99	6	45		6				270	
		Trường TH Trần Văn Châm	151									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi (có HK hoặc tạm trú xã PVA)	7									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (có HK hoặc tạm trú xã PVA)	1									
		TH Tân Thành (HK hoặc tạm trú xã PVA)	12									
		CỘNG	270									
7	Tân An Hội	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	109	7	40		7			1	279	
		Trường TH Liên Minh Công Nông	160									
		TH Thị trấn Cù Chi (có HK, tạm trú xã T.A Hội)	10									
		CỘNG	279									
8	Phước Hiệp	Trường TH Phước Hiệp	151	4	39		4				155	
		Trường TH TT Cù Chi 2 (có HK hoặc tạm trú xã Phước Hiệp)	1									
		Trường TH TT Cù Chi (có HK hoặc tạm trú xã Phước Hiệp)	3									
		CỘNG	155									
9	Phước Thạnh	Trường TH Phước Thạnh	175	6	43		6				259	
		Trường TH An Phước	84									
		CỘNG	259									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	6120	145	45	32	113	14	1	7	6120	
10	Nguyễn Văn Xơ	Trường TH Thái Mỹ	160	4	40		4				161	
		Trường TH Tân Thành (HK xã Thái Mỹ)	1									
		CỘNG	161									
11	Trung Lập Hạ	Trường TH Lê Văn Thế	136	4	45		4				140	
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã TLH)	1									
		Trường TH Tân Thành (HK xã TLH)	3									
		CỘNG	140									
12	Trung Lập	Trường TH Trung Lập Thượng	90	6	45		6				238	
		Trường TH Trung Lập Hạ	147									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã T.L. Thượng)	1									
		CỘNG	238									
13	An Nhơn Tây	Trường TH An Nhơn Tây	124	6	45		6	1			246	
		Trường TH An Nhơn Đông	122									
		CỘNG	246									
14	An Phú	Trường TH An Phú 1	85	4	45		4				171	
		Trường TH An Phú 2	86									
		CỘNG	171									
15	Phú Mỹ Hưng	Trường TH Phú Mỹ Hưng	99	3	45		3				101	
		Trường TH Thị trấn (HK xã PMH)	1									
		Trường TH Thị trấn 2 (HK xã PMH)	1									
		CỘNG	101									
16	Nhuận Đức	Trường TH Nhuận Đức	68	3	45		3				124	
		Trường TH Nhuận Đức 2	53									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Nhuận Đức)	3									
		CỘNG	124									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	6120	145	45	32	113	14	1	7	6120	
17	Phạm Văn Cội	Trường TH Phạm Văn Cội	176	4	45		4				178	
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Phạm Văn Cội)	2									
		CỘNG	178									
18	Phú Hòa Đông	Trường TH Phú Hòa Đông	154	7	45		7				289	
		Trường TH Phú Hòa Đông 2	135									
		CỘNG	289									
19	Tân Thạnh Tây	Trường TH Tân Thạnh Tây	171	4	45		4	2			171	
		CỘNG	171									
20	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông	170	14	45	14		1			605	
		Trường TH Tân Thạnh Đông 2	245									
		Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 1,2,3,4,5, Ấp 6A, Ấp 7, Ấp 7a, 8 xã TTD)	190									
		CỘNG	605									
21	TH - THCS Tân Trung	Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12 xã Tân Thạnh Đông)	57	4	45	4					178	
		Trường TH Trung An (HK, tạm trú ở ấp Thạnh An, xã Trung An)	4									
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK tổ 1: 1A, xã Tân Thạnh Tây)	1									
		Trường TH-THCS Tân Trung	116									
		CỘNG	178									
22	Trung An	Trường TH Trung An (HK ấp Chợ, An Bình, Bồn Phú, An Hòa, Hội Thạnh xã Trung An và tạm trú xã Trung An)	231	5	45		5				231	
		CỘNG	231									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	6120	145	45	32	113	14	1	7	6120	
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú	236	6	45		6				236	
		CỘNG	236									
24	Bình Hòa	Trường TH Bình Mỹ	104	7	45		7				316	
		Trường TH Bình Mỹ 2	212									
		CỘNG	316									

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 5A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 3617/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện Cù Chì)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SỐ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		14	520	40	
1	Tân Phú Trung	Công lập	2	80	40	Tăng cường tiếng Anh
2	Tân Thông Hội	Công lập	4	160	40	Tăng cường tiếng Anh
3	Thị trấn 2	Công lập	4	160	40	Tăng cường tiếng Anh
4	An Nhơn Tây	Công lập	1	40	40	Tăng cường tiếng Anh
5	Tân Thạnh Tây	Công lập	2	40	40	Tăng cường tiếng Anh
6	Tân Thạnh Đông	Công lập	1	40	40	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 5B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP:
“DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP
CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”**

NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3617/QĐ-UBND** ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		1	35	35	
1	Thị Trấn 2	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**PHỤ LỤC 6: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP,
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3617**/QĐ-UBND ngày **27** tháng **5** năm 2021 của UBND huyện Cử Chi)

Trường	Số lượng học sinh huy động	Ghi chú
Tổng số:	1490	
Trung cấp nghề Cử Chi	700	
TCCN Bách khoa Sài Gòn	90	
TCCN Tây Sài Gòn	30	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	670	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN